

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020  
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Quảng Ngãi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.



**Đỗ Minh Hải**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Chương 426

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1011/QĐ-STNMT ngày 21 tháng 1 năm 2020 của Sở TNMT)



DVT: Triệu đồng

Biểu 49  
Biểu số: 1/CK-NSNN

Số TT	Nội dung	Dự toán 2020	Tạo nguồn CCTL	Trong đó							
				Số Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Số	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Biển và Hải đảo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước	7.350		-							
1	Dự toán thu phí, lệ phí	5.980		-	360	2.000	-	70	3.350	-	
a	Nguồn thu phí được để lại chi	2.982	1.193	-	16	150	-	42	2.774	-	
b	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	2.998	-	-	344	1.850	-	28	776	-	
2	Dự toán thu khác	1.370	-	-							
	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	1.370	-	-	1.370	-	-	-	-	-	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	37.418	2.965	4.150	16.778	10.161	3.830	1.289	875	335	
1	Chi quản lý hành chính	11.827	479		8.180	1.812	925	200	375	335	
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	8.863	206		6.276	1.662	925	-	-	-	
	- Quỹ tiền lương	6.805	-		4.866	1.266	673	-	-	-	
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.058	206		1.410	396	252				
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	2.964	273		1.904	150	-	200	375	335	
b.1	Theo mục tiêu, nhiệm vụ:	314	8		314	-	-	-	-	-	
	1. Chi trang phục thanh tra sở	36	-		36	-	-	-	-	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán 2020	Tạo nguồn CCTL	Trong đó							
				Số Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Số	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Biển và Hải đảo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	1. Chi trang phục thanh tra số	36	-		36	-	-	-	-	-	-
	2. Đo giải quyết khiếu nại về đất đai, Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại về đất đai	80	8		80	-	-	-	-	-	-
	3. Bồi dưỡng tiếp dân	44	-		44	-	-	-	-	-	-
	4. Chi từ nguồn xử phạt hành chính trong lĩnh vực thanh tra tại TT số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013	154	-		154	-	-	-	-	-	-
b.2	Sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp tài sản, theo Công văn số 6508/UBND-KT ngày 27/11/2019	1.500	150		1.500	-	-	-	-	-	-
b.3	Mua sắm, trang bị phương tiện làm việc, theo Công văn số 6508/UBND-KT ngày 27/11/2019	1.150	115		90	150		200	375	335	
2	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>25.591</b>	<b>2.486</b>	<b>4.150</b>	<b>8.598</b>	<b>8.349</b>	<b>2.905</b>	<b>1.089</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
2.1	<b>Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác</b>	<b>12.095</b>	<b>1.137</b>	<b>4.150</b>	<b>4.956</b>	<b>-</b>	<b>1.400</b>	<b>1.089</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
a	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>728</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>728</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	1. Thu thập, chỉnh lý, cập nhật dữ liệu TNMT	188	-		-	-	-	188	-	-	-
	2. Bảo quản, lưu trữ dữ liệu TNMT	58	-		-	-	-	58	-	-	-
	3. Quản trị vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin	317	-		-	-	-	317	-	-	-
	4. Số hóa tài liệu hồ sơ lưu trữ	165	-		-	-	-	165	-	-	-
b	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>11.367</b>	<b>1.137</b>	<b>4.150</b>	<b>4.956</b>	<b>-</b>	<b>1.400</b>	<b>361</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
b.1	Theo mục tiêu, nhiệm vụ:	7.217	722	-	4.956	-	1.400	361	500	-	-
	1. Kinh phí định giá đất cụ thể	1.120	112		1.120	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Dự toán 2020	Tạo nguồn CCTL	Trong đó						
				Số Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Số	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Biên và Hải đảo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất
	2. Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế cho phép khai thác sử dụng nước	270	27		270	-	-	-	-	-
	3. Điều tra, khảo sát, xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (2020-2024)	177	18		177	-	-	-	-	-
	4. Lập Đề cương nhiệm vụ và dự toán Quan trắc, Kiểm soát trữ lượng, chất lượng nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	205	21		205	-	-	-	-	-
	5. Điều tra, khảo sát và lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	79	8		79	-	-	-	-	-
	6. Lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí điều tra, khảo sát lập dự án xây dựng bản đồ giá đất năm 2020 để thực hiện thí điểm trên địa bàn Tp Quảng Ngãi và KKT Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi	200	20		200	-	-	-	-	-
	7. Mua mới 12 Diver và dự phòng 3 Diver của 12 giếng khoan quan trắc nước dưới đất từ kết quả bàn giao của dự án "Tăng cường năng lực quy hoạch và điều tra nước ngầm tại các đô thị ở Việt Nam (IGPVN)	200	20		200	-	-	-	-	-
	8. Lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí quan trắc nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn từ kết quả nhiệm vụ "Khoan giếng phục vụ quan trắc, kiểm soát trữ lượng, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện Lý Sơn"	200	20		200	-	-	-	-	-
	9. Lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí Đầu tư hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	200	20		200	-	-	-	-	-
	10. Lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	200	20		200	-	-	-	-	-
	11. Lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán kinh phí Bổ cập nước dưới đất trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn	200	20		200	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Dự toán 2020	Tạo nguồn CCTL	Trong đó						
				Số Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Biển và Hải đảo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất
	12. Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động Khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi	361	36		-	-	-	361	-	-
	13. Số hóa bản đồ thời kỳ Pháp, Mỹ	1.085	109		1.085	-	-	-	-	-
	14. Chi phí lấy mẫu các giếng nước phân tích	300	30		300	-	-	-	-	-
	15. Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Quảng Ngãi	1.000	100		-	-	1.000	-	-	-
	16. KH quản lý tổng hợp đới bờ tỉnh Quảng Ngãi	400	40		-	-	400	-	-	-
	17. Xây dựng bộ đơn giá thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	20	2		20	-	-	-	-	-
	18. Kiểm kê đất đai	500	50		500	-	-	-	-	-
	19. Đầu tư hệ thống thực hiện trao đổi thông tin giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế bằng hình thức điện tử	500	50		-	-	-	-	500	-
b.2	Sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp tài sản, theo Công văn số 6508/UBND-KT ngày 27/11/2019	4.150	415	4.150	-	-	-	-	-	-
<b>2.2</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>13.496</b>	<b>1.350</b>		<b>3.642</b>	<b>8.349</b>	<b>1.505</b>			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.496	1.350		3.642	8.349	1.505			
b.1	Theo mục tiêu, nhiệm vụ:	13.496	1.350		3.642	8.349	1.505			
	1. Công tác tuyên truyền, tập huấn	603	60		-	420	183			
	2. Chi phí phục vụ họp thẩm định đánh giá tác động môi trường	1.060	106		-	1.060	-			
	3. Chi phí kiểm tra môi trường	165	17		-	165	-			

Số TT	Nội dung	Dự toán 2020	Tạo nguồn CCTL	Trong đó							
				Số Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ môi trường	Chi cục Biên và Hải đảo	Trung tâm Công nghệ thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Trung tâm Phát triển quỹ đất	
	4. Phòng ngừa sự cố môi trường	126	13		-	126	-	-	-	-	-
	5. Duy trì việc vận hành Hệ thống tiếp nhận quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	230	23		-	230	-	-	-	-	-
	6. Nâng cấp Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục	125	13		-	125	-	-	-	-	-
	7. Báo cáo công tác BVMT năm 2020	220	22		-	220	-	-	-	-	-
	8. Hiện trạng môi trường 05 năm (2016-2020)	320	32		-	320	-	-	-	-	-
	9. Khảo sát, đánh giá và xây dựng Kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn thải chất thải nguy hại trên địa bàn huyện Lý Sơn	90	9		-	90	-	-	-	-	-
	10. Xây lắp và vận hành Trạm quan trắc tự động. Liên tục chất lượng không khí xung quanh	4.500	450		-	4.500	-	-	-	-	-
	11. Dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp dinh dưỡng, nơi sinh sản của hệ sinh thái rừng vùng cửa sông và ven biển tỉnh Quảng Ngãi	850	85		-	-	850	-	-	-	-
	11. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh	472	47		-	-	472	-	-	-	-
	13. Kinh phí lấy mẫu môi trường phục vụ thanh tra	75	8		75	-	-	-	-	-	-
	14. Quan trắc môi trường	1.967	197		1.967	-	-	-	-	-	-
	15. Kho thuốc BVTV Núi Voi	1.093	109		-	1.093	-	-	-	-	-
	16. Điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	1.600	160		1.600	-	-	-	-	-	-